

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Chinh**;

2. Ông **Đỗ Hồng Kỳ**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà **Huỳnh Thị Hồng Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Thiên Thị Chung M** - sinh năm 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: B M, U, PA A, Hoa Kỳ.

Địa chỉ tạm trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông **Thành Ngọc Thanh T** - sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Thiên Thị Chung M trình bày:

Bà quen biết ông Thành Ngọc Thanh T qua mạng xã hội, sau thời gian nói chuyện tìm hiểu cảm thấy hợp nhau nên hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 07/02/2020 tại Ủy ban nhân dân huyện N. Sau khi đăng ký kết hôn hai bên có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu bà và ông T sống chung được khoảng 1-2 tháng tại nhà bà ở thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thì bà phải quay về Hoa Kỳ làm việc còn ông T vẫn làm việc và sinh sống tại nhà ông T tại khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian sau đó hai bên cũng chỉ liên lạc qua mạng xã hội. Những lần bà về Việt Nam thì cũng chỉ đoàn tụ một thời gian. Thời gian đầu ông bà vẫn hạnh phúc cho đến tháng 9 năm 2022 thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T đam mê cờ bạc nên nợ nần nhiều nơi, nhiều lần ông T bắt bà phải gửi tiền về trả nợ cho ông T. Do đó hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi, bà và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng ông T không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà và ông T không hợp nhau nên hôn nhân không thể kéo dài được nữa vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thành Ngọc Thanh T.

Về con chung: Giữa bà và ông Thành Ngọc Thanh T không có con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Không có.

Bà xác định hiện nay ông Thành Ngọc Thanh T vẫn còn hộ khẩu thường trú và sống tại khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Quá trình giải quyết vụ án do thời gian tới bà phải trở về Hoa Kỳ để làm việc nên bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án gồm tất cả các buổi làm việc, phiên họp hòa giải công khai chứng cứ và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có). Bà cam đoan không khiếu nại gì.

Bà đề nghị Tòa án không phải tiến hành thủ tục hòa giải do bà và ông T không thể hòa giải để đoàn tụ được nữa.

Do bà phải trở về Hoa Kỳ nên bà đề nghị Tòa án gửi toàn bộ những giấy tờ,

quyết định, bản án của Tòa án cho chị ruột bà tên: Thiên Thị Ri A. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận sẽ nhận thay bà.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà đồng ý chịu.

Bị đơn ông Thành Ngọc Thanh T: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã thực hiện việc tổng đạt giấy triệu tập và quyết định tố tụng của Tòa án cho ông Thành Ngọc Thanh T hợp lệ nhưng ông T đều vắng mặt và không có bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân gia đình và khoản 5 Điều 477 BLTTDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn bà Thiên Thị Chung M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Thành Ngọc Thanh T: Căn cứ Công văn số 14/CV-CATT ngày 05/12/2023 của Công an thị trấn P, huyện N thì ông Thành Ngọc Thanh T có hộ khẩu thường trú tại khu phố M, thị trấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt Bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Thiên Thị Chung M có địa chỉ 224 M, U, PA A, Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản trình bày ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án là: “*Tranh chấp ly hôn*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiên Thị Chung M, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[3.1] Bà Thiên Thị Chung M và ông Thành Ngọc Thanh T tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 07/02/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình sống chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đam mê cờ bạc nên nợ nần nhiều nơi, nhiều lần ông T bắt bà phải gửi tiền về trả nợ cho ông T. Do đó hai bên thường xuyên cãi nhau, bà và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng ông T không thay đổi, thời gian vợ chồng không sống chung đã lâu.

Quá trình giải quyết vụ án thì ông Thành Ngọc Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được xem như ông T không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy: do ông T và bà M không sống chung đã lâu, hai bên có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M yêu cầu được ly hôn với ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thiên Thị Chung M: được ly hôn ông Thành Ngọc Thanh T.

[3.3] Về con chung: Bà Thiên Thị Chung M trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thiên Thị Chung M phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000002 ngày 12/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các điều 28, 37, 227 khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiện Thị Chung M1 được ly hôn ông Thành Ngọc Thanh T.
2. Về con chung: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thiện Thị Chung M1 phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000002 ngày 12/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà M1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn trong hạn **01 (một) tháng** kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THANDS tỉnh Ninh Thuận;
- UBND huyện Ninh Phước;
- Phòng KTNV&THA; phòng HC-TP;
- Lưu HS; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang